

Bản án số: 42/2017/HSST
Ngày 28/12/2017

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ BA ĐỒN
Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: bà Tường Thị Hà
Các hội thẩm nhân dân: Ông Hoàng Công Nghĩa
Ông Trần Trọng Sơn

Thư ký Toà án ghi biên bản phiên toà: bà Phạm Thị Kiều Phương- cán bộ Toà án nhân dân thị xã Ba Đồn

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Ba Đồn tham gia phiên toà: Ông Mai Anh Sơn và bà Lê Thị Phương Nhung – Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 12 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Ba Đồn, tỉnh Quảng Bình, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 34/2017/HSST ngày 06 tháng 10 năm 2017, đối với các bị cáo:

1. Nguyễn Thị T, sinh ngày 17/3/1983 tại thành phố B, tỉnh Đắk Lắk

Nơi cư trú: Tổ dân phố M, phường T, thị xã B, tỉnh Quảng Bình; nghề nghiệp: Bác sỹ tại Bệnh viện ĐKKV Bắc Quảng Bình; trình độ học vấn: Lớp 12/12; con ông Nguyễn Phi H và bà Nguyễn Thị N (đã chết); có chồng Nguyễn Thanh H và 02 con, con lớn sinh năm 2007, con nhỏ sinh năm 2012; tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú tại Tổ dân phố M, phường T, thị xã B, tỉnh Quảng Bình từ ngày 06/01/2017 cho đến nay, bị cáo tại ngoại có mặt tại phiên tòa.

2. Hồ Thị Lại G, sinh ngày 15/7/1984 tại xã T, huyện T, tỉnh Quảng Bình (nay là xã T, thị xã B, tỉnh Quảng Bình)

Nơi cư trú: Tổ dân phố C, phường T, thị xã B, tỉnh Quảng Bình; nghề nghiệp: Nữ hộ sinh tại Bệnh viện ĐKKV Bắc Quảng Bình; trình độ học vấn: Lớp 12/12; con ông Hồ Quang D và bà Trần Thị M; có chồng Dương Tiến B và 02 con, con lớn sinh năm 2007, con nhỏ sinh năm 2012; tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú tại Tổ dân phố Cầu, phường Quảng Thuận, thị xã Ba Đồn, tỉnh Quảng Bình từ ngày 01/6/2017 cho đến nay, bị cáo tại ngoại có mặt tại phiên tòa.

3. Phạm Thị H, sinh ngày 06/4/1963 tại xã T, huyện T, tỉnh Quảng Bình (nay là xã T, thị xã B, tỉnh Quảng Bình)

Nơi cư trú: Tổ dân phố M, phường T, thị xã B, tỉnh Quảng Bình; nghề nghiệp: Nữ hộ sinh tại Bệnh viện ĐKKV Bắc Quảng Bình; trình độ học vấn: Lớp 10/10; con ông Phạm H và bà Nguyễn Thị X (bố mẹ đã chết); có chồng Trần Quang H và 02 con, con lớn sinh năm 1988, con nhỏ sinh năm 1993; tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú tại tổ dân phố M, phường T, thị xã B, tỉnh Quảng Bình từ ngày 01/6/2017 cho đến nay, bị cáo tại ngoại có mặt tại phiên tòa.

Người bị hại: Chị Phạm Thị H, cháu Ngô Thanh L (đã chết)

Người đại diện hợp pháp của bị hại: Anh Ngô Văn Đ, sinh năm 1989

Trú tại: Thôn P, xã T, huyện T, tỉnh Quảng Bình - Có mặt

NHẬN THẤY:

Vào khoảng 03 giờ 55 phút, ngày 24 tháng 9 năm 2016 anh Ngô Văn Đ, trú tại thôn P, xã T, huyện T, tỉnh Quảng Bình đưa vợ là chị Phạm Thị H đến khoa khám bệnh Bệnh viện Đa khoa khu vực Bắc Quảng Bình (BVĐKKVBQB) để thăm khám, nhập viện sinh con lần thứ hai. Khi vào phòng khám bác sĩ Trần Thị D tiếp đón, thăm khám ban đầu cho chị H xác định chị H có thai lần hai, đến tháng chuyển dạ nên lập hồ sơ nhập viện và chỉ định cho điều dưỡng Nguyễn Phương T đưa sản phụ H đến bàn giao cho khoa sản để theo dõi, chờ sinh con. Vào lúc 04 giờ 05 phút, kíp trực khoa sản lúc đó do bác sĩ Nguyễn Thị T - Bác sĩ CKI (trưởng kíp) cùng các nữ hộ sinh Hồ Thị Lại G và Phạm Thị H đã tiếp đón và tiến hành thăm khám cho sản phụ Phạm Thị H, xác định: sức khỏe sản phụ bình thường, thai đủ tháng, chuyển dạ, tử cung mở 08 phân, cho sản phụ vào phòng chờ sinh con. Đến 05 giờ cùng ngày, sản phụ H kêu buồn rặn để nên được hộ sinh G hướng dẫn vào phòng đẻ và báo cho bác sĩ T đến khám. Sau khi khám xong thì bác sĩ T xác định: tử cung chị H đã mở hết (10 phân) nhưng ối chưa vỡ, ối căng, đầu thai nhi chặt, nên bác sĩ T đã ra chỉ định cho hộ sinh G mắc máy monitor để theo dõi các thông số cho sản phụ H và thai nhi, đồng thời chỉ định và trực tiếp bấm ối (tia ối), thực hiện cho sản phụ đẻ theo chỉ định. Sau khi bấm ối khoảng 10 phút, nước ối chảy ra hết thì bác sĩ T xé rộng màng ối và cùng các hộ sinh G và H hướng dẫn cho sản phụ H rặn đẻ khi có cơn co tử cung. Thời gian này sản phụ H có cơn co, rặn đẻ 01 lần nhưng không thành công. Lúc này chị Lê Thị H là người học việc tại khoa sản đến thông báo cho bác sĩ T biết: sản phụ Trần Thị Tố L, trú tại thôn T, xã H, huyện T ở phòng bên cạnh gọi buồn rặn đẻ. Bác sĩ T chỉ định các nữ hộ sinh G và H cùng đi sang đỡ đẻ cho sản phụ L. Cả ba người để sản phụ H nằm trên bàn đẻ một mình, hướng dẫn cho sản phụ H nếu có cơn co buồn rặn thì rặn và đi sang phòng bên cạnh đỡ đẻ cho sản phụ L. Sau khoảng 5 phút, khi đỡ đẻ xong cho chị L, bác sĩ T và hộ sinh G giao cho hộ sinh H và học việc H làm các công việc tiếp theo sau sinh cho sản phụ L rồi bác sĩ T và hộ sinh G quay lại tiếp tục đỡ đẻ cho sản phụ H. Bác sĩ T tiến hành khám cho sản phụ H thấy tim thai không ổn định, dao động từ 140 - 160 lần/ phút, sản phụ có cơn co tử cung yếu, thừa nên đã chỉ định hộ sinh G cho sản phụ H thở oxy bằng máy, truyền dịch Glucoza 5% để hồi sức cho sản phụ H, sau đó tiếp tục chỉ định cho hộ sinh G tiêm 01 ống (5 đơn vị) thuốc Oxytocin pha vào

dịch truyền với liều lượng khởi phát là 10 giọt/phút nhằm tăng cơn co tử cung (về cả cường độ và mật độ) để kích thích sản phụ H rặn đẻ. Một lúc sau khi truyền dịch và thuốc oxytocin thì tim thai đập ổn định 140 lần/phút, sản phụ có cơn co đều, mạnh hơn nên kíp đỡ đẻ gồm bác sĩ T, các nữ hộ sinh G, H tiếp tục đỡ đẻ, hướng dẫn cho sản phụ H rặn khi có cơn co. Sau khoảng 30 phút, qua nhiều lần chị H lên cơn co tử cung và rặn đẻ nhưng đều không thành công. Do sản phụ H rặn yếu, không thành công nên bác sĩ T đã chỉ định cho hộ sinh G thực hiện tác động cơ học “đẩy bụng” phụ giúp cho sản phụ H rặn đẻ sổ được con ra. Hộ sinh G đã thực hiện chỉ định trên của bác sĩ T, cứ mỗi lần chị H có cơn co tử cung, rặn đẻ thì hộ sinh G dùng hai tay tiến hành đẩy bụng (theo chiều từ đáy tử cung lên cổ tử cung), hộ sinh G thực hiện động tác trên trong hai lần sản phụ H rặn đẻ nhưng đều không thành công. Đến khoảng 05 giờ 55 phút, do đầu thai nhi không lọt, việc đẻ thường theo đường âm đạo không thành công nên bác sĩ T quyết định dùng đỡ đẻ thường qua đường âm đạo và chuyển phẫu thuật lấy thai, bác sĩ T chỉ định cho hộ sinh H làm vệ sinh và chuyển sản phụ sang phòng mổ chuẩn bị phẫu thuật. Sau đó bác sĩ T đã gọi điện thoại báo cáo bác sĩ Lê Ngọc B - Phó Giám đốc Bệnh viện trực lãnh đạo để xin ý kiến phẫu thuật (mổ) lấy thai cho sản phụ H và được bác sĩ B đồng ý, đồng thời thông báo cho khoa Gây mê hồi sức để chuẩn bị tiến hành phẫu thuật. Tiếp đó bác sĩ T cùng hộ sinh G gọi chồng và chị gái của sản phụ H là anh Ngô Văn Đ, chị Phạm Thị S vào phòng hành chính của khoa sản, giải thích, hướng dẫn gia đình viết giấy cam đoan phẫu thuật. Sau khi làm vệ sinh cho sản phụ H xong, hộ sinh H đã sử dụng phương tiện là xe đẩy ngôi để cho sản phụ H ngồi lên xe và hộ sinh G cùng học việc H đẩy sản phụ H qua phòng mổ của khoa Gây mê hồi sức bàn giao cho kỹ thuật viên gây mê Nguyễn Thị Bích T. Sau đó, kíp gây mê hồi sức trao đổi với kíp trực sản về tình hình sản phụ và không qua thăm khám mà bác sĩ Trần Đăng K tiến hành sử dụng phương pháp vô cảm gây tê tủy sống cho sản phụ H. Sau khoảng 10 phút thì gây tê thành công và bắt đầu tiến hành phẫu thuật. Kíp phẫu thuật lấy thai cho sản phụ H gồm bác sĩ T là phẫu thuật viên chính, hộ sinh H phụ mổ; hộ sinh G phụ trách đón bé; điều dưỡng L - Khoa Gây mê hồi sức phụ dụng cụ; bác sĩ K và kỹ thuật viên T phụ trách theo dõi tình trạng sản phụ. Khoảng 6 giờ 15 phút bác sĩ T bắt đầu phẫu thuật, sau khi rạch dao mổ mở ổ bụng (theo đường ngang phía trên mu) thì máu chảy ra nhiều từ ổ bụng, hộ sinh H và điều dưỡng L phụ dùng máy hút máu, bác sĩ T phát hiện tử cung bị vỡ ở phần eo, thai nhi đã nằm ra ngoài tử cung, sản phụ H lúc này diễn biến, lâm vào tình trạng hôn mê, suy hô hấp và tuần hoàn, bác sĩ T lấy thai nhi ra khỏi bụng mẹ, là một bé trai (tên khai sinh là Ngô Thanh L). Khi lấy cháu bé ra khỏi bụng mẹ, cháu không khóc, trong tình trạng bị ngạt trắng nên bác sĩ T bế cháu sang bàn đón bé và cùng hộ sinh G tiến hành cấp cứu cho thai nhi. Bác sĩ T vừa cấp cứu vừa hô báo, yêu cầu gọi điện thoại mời khoa nhi đến hỗ trợ cấp cứu cháu bé. Một lúc sau bác sĩ Ngô Trung D và điều dưỡng Trần Thị T - thuộc Khoa nhi đến và tham gia cấp cứu cho cháu bé, nên bác sĩ T quay lại cấp cứu cho sản phụ H. Lúc này thấy tử cung của sản phụ H bị dờ, nhão không co hồi được, máu chảy nhiều nên bác sĩ T đã nhờ điều dưỡng Đặng Thị T - Khoa gây mê hồi sức gọi điện báo, mời bác sĩ B đến phòng phẫu thuật để hội chẩn cắt tử cung. Khi

bác sĩ B chưa đến phòng mổ và chưa có ý kiến của bác sĩ B, cũng như không thông báo cho gia đình sản phụ H, bác sĩ T đã tiến hành cắt tử cung bán phần và một phần phụ. Trong khi bác sĩ T đang tiến hành thủ thuật cắt tử cung thì bác sĩ B đến, sau đó các bác sĩ Lãnh đạo và các y, bác sĩ khác trong Bệnh viện đến cùng tiến hành cấp cứu, điều trị, hồi sức tích cực cho sản phụ Phạm Thị H cùng với con là cháu Ngô Thanh L.

Khoảng 09 giờ ngày 24/9/2016 bệnh nhi Ngô Thanh L được chuyển đến Bệnh viện Hữu nghị Việt Nam - Cu Ba Đồng Hới để cấp cứu, điều trị trong tình trạng hôn mê sâu, đang được đặt ống nội khí quản, không tự thở được, đồng tử giãn, không đáp ứng được ánh sáng, tim đập nhanh, yếu, có nguy cơ tử vong cao. Dù được các y, bác sĩ, điều dưỡng tiến hành các biện pháp hồi sức, cấp cứu nhưng đến chiều ngày 26/9/2016 thì bệnh nhi Ngô Thanh L tử vong, nguyên nhân thể hiện trong hồ sơ bệnh án là do chết não, suy đa phủ tạng do ngạt nặng sau mổ đẻ.

Đến 12 giờ 30 phút ngày 24/9/2016 sản phụ Phạm Thị H được chuyển đến Bệnh viện Hữu nghị Việt Nam - Cu Ba Đồng Hới để cấp cứu, điều trị trong tình trạng hôn mê sâu, không tự thở được, đang được đặt ống nội khí quản, được bóp bóng hỗ trợ thở, da niêm mạc nhợt nhạt, rối loạn nhịp thở, huyết áp thấp khoảng 20/40 mmHg, đồng tử hai bên giãn 03 mm, không đáp ứng được ánh sáng, có nguy cơ đe dọa tử vong cao. Các y, bác sĩ tiến hành tham gia hồi sức tích cực, nhưng đến 17 giờ 30 phút ngày 24/9/2016 thì sản phụ H tử vong, nguyên nhân thể hiện trong bệnh án là do shock không hồi phục/ hậu phẫu lấy thai cắt tử cung bán phần và phần phụ bên phải.

Ngày 29/10/2016 Trung tâm giám định Y khoa - Pháp y, Sở y tế tỉnh Quảng Bình kết luận nguyên nhân tử vong của sản phụ Phạm Thị H là do suy tuần hoàn cấp và suy hô hấp cấp, hậu quả của mất máu cấp do vỡ tử cung, tắc mạch ối.

Ngày 04/5/2017, Viện Pháp y Quốc gia kết luận về nguyên nhân tử vong của cháu Ngô Thanh L: Do không mổ tử thi nên không thể xác định chính xác nguyên nhân tử vong. Tuy nhiên, căn cứ hồ sơ gửi đến giám định cho phép nhận định nguyên nhân tử vong của Ngô Thanh L là chết não, suy đa phủ tạng do ngạt nặng.

Về trách nhiệm dân sự: Quá trình điều tra các bị cáo Nguyễn Thị T, Hồ Thị Lại G, Phạm Thị H cùng với các thành viên trong ekip trực và đại diện Bệnh viện ĐKKV Bắc Quảng Bình đã tự thỏa thuận giải quyết bồi thường dân sự với đại diện gia đình bị hại số tiền 350.000.000 đồng (Ba trăm năm mươi triệu đồng), trong đó T hỗ trợ, bồi thường số tiền 110.000.000 đồng (Một trăm mười triệu đồng), G và H hỗ trợ, bồi thường mỗi người số tiền 55.000.000 đồng (năm mươi lăm triệu đồng), phần còn lại do các thành viên trong ekip trực hỗ trợ. Đại diện gia đình bị hại đã nhận đủ số tiền trên và cam đoan, cam kết sẽ không thắc mắc, khiếu nại, khiếu kiện gì về mặt dân sự của vụ án, chồng của bị hại là Ngô Văn Đ đã làm đơn xin rút đơn tố cáo và đề nghị miễn truy cứu trách nhiệm hình sự đối với Nguyễn Thị T.

Về vật chứng: Quá trình điều tra, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thị xã Ba Đồn đã tạm giữ:

- 01 (Một) thùng hộp giấy bì màu vàng, kích thước 20 x 25 x 40 (cm), đã được niêm phong, bên trong đựng 16 (mười sáu) chai, lọ, ống, túi đựng các loại thuốc chưa qua sử dụng.

- 01 (Một) thùng hộp giấy bì màu vàng, kích thước 25 x 30 x 40 (cm), đã được niêm phong, bên trong đựng 24 (hai mươi bốn) chai, lọ, ống, túi đựng các loại thuốc đã sử dụng hết. gồm:

+ 01 (một) lọ bằng thủy tinh đựng thuốc RIDULIN DOBUTAMINE INJ, USP 250mg/20ml, số ĐK: VN-14348-11, số lô SX/Batch no: 40066; NSX/Mfg date: 10/02/14, HSD/EXP. Date: 10/02/17;

+ 02 (hai) lọ bằng thủy tinh đựng thuốc DOPAMINE HYDROCHLORIDE USP 40MG/ML, Batch: 50017, Mfg: 30/01/2015, EXP: 30/01/2019;

+ 04 (bốn) lọ bằng thủy tinh đựng thuốc DIAZEPAM INJECTION BP 10MG, số lô SX: 40037, NSX 27/8/2014, HD 27/8/2017;

+ 02 (hai) lọ bằng thủy tinh đựng thuốc PENTANYL 100ug/2ml, Batch no: 05BC1215, EXP. Date: 04.12.2018;

+ 01 (một) lọ bằng thủy tinh đựng thuốc EPHEDRINE AGUETTANT 30mg/ml, số lô SX: 4302007, NSX 30/03/2016, HD 30/03/2019;

+ 02 (hai) lọ bằng thủy tinh đựng thuốc Cerebralysin 10ml, Batch no: A4BC1A; NSX 13/01/2016, HD31/12/2020;

+ 01 (một) vỏ chai bằng nhựa đựng dịch truyền Glucose 5%, số lô SX 86KGN096;

+ 01 (một) vỏ chai bằng nhựa đựng dịch truyền Natriclorid 0,9%, số lô SX 86KHP387;

+ 01 (một) vỏ chai bằng nhựa đựng dịch truyền Ringer Lactate, lô SX 86KGN120;

+ 01 (một) vỏ chai bằng nhựa đựng dịch truyền RGelofusine® 500ml, số lô SX 15311372;

+ 01 (một) vỏ chai bằng nhựa đựng dịch truyền Polpharma Trichopol/100ml;

+ 01 (một) lọ bằng thủy tinh đựng thuốc RIFAXON;

+ 01 (một) lọ bằng thủy tinh đựng thuốc Cefuroxime 0,75g;

+ 01 (một) lọ bằng thủy tinh đựng thuốc Cammic Acid Tranexamic 250mg/5ml;

+ 01 (một) lọ bằng thủy tinh đựng thuốc Marcaine Spinal Heavy 0,5%;

+ 01 (một) lọ bằng thủy tinh đựng thuốc RxPrescription only OFOST 8.3mcg (5IU)/ml;

+ 01 (một) lọ bằng thủy tinh đựng thuốc ADRENALIN 1mg/1ml;

+ 01 (một) lọ bằng thủy tinh đựng thuốc VINZIXinj Furosenid 20mg/2ml.

Ngày 25 tháng 9 năm 2016 và ngày 12 tháng 11 năm 2016, Cơ quan CSĐT Công an thị xã Ba Đồn tiến hành truy tìm vật chứng vụ án là vỏ dịch truyền Glucose 5%/500ml và vỏ ống thuốc oxytocin đã sử dụng cho sản phụ Hiếu nhưng không tìm thấy

Xử lý vật chứng: Ngày 28 tháng 8 năm 2017, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thị xã Ba Đồn đã xử lý trả lại tài sản là 01 (Một) thùng hộp giấy bì màu vàng, kích thước 20 x 25 x 40 (cm), đã được niêm phong, bên trong đựng 16 (mười sáu) chai, lọ, ống, túi đựng các loại thuốc chưa qua sử dụng cho Bệnh viện ĐKKV Bắc Quảng Bình. Riêng 01 (Một) thùng hộp giấy bì màu vàng, kích thước 25 x 30 x 40 (cm), đã được niêm phong, bên trong đựng 24 (hai mươi bốn) chai, lọ, ống, túi đựng các loại thuốc đã sử dụng hết chuyển theo hồ sơ vụ án để xử lý theo quy định của pháp luật.

Tại bản Cáo trạng số 33/VKS- TA ngày 06 tháng 10 năm 2017, Viện kiểm sát nhân thị xã Ba Đồn đã truy tố các bị cáo Nguyễn Thị T, Hồ Thị Lài G và Phạm Thị H về tội “Vi phạm quy định về khám bệnh, chữa bệnh” theo khoản 2 Điều 242 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Ba Đồn giữ nguyên quan điểm truy tố, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 2 Điều 242; các điểm b, p khoản 1 Điều 46; khoản 2 Điều 46; khoản 1 và khoản 2 Điều 60 của Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Nguyễn Thị T 36 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 60 tháng; áp dụng khoản 2 Điều 242; các điểm b, p khoản 1 Điều 46; khoản 2 Điều 46; Điều 47; khoản 1 và khoản 2 Điều 60 của Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Hồ Thị Lài G và Phạm Thị H mỗi bị cáo từ 12 đến 18 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 24 đến 36 tháng; áp dụng điểm đ khoản 2 Điều 76 Bộ luật Tố tụng Hình sự tuyên tịch thu tiêu hủy 01 thùng hộp giấy bì màu vàng, kích thước 25 x 30 x 40 (cm), đã được niêm phong, bên trong đựng 24 (hai mươi bốn) chai, lọ, ống, túi đựng các loại thuốc đã sử dụng hết (Những vật chứng trên có đặc điểm như biên bản giao nhận vật chứng giữa Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thị xã Ba Đồn và Chi cục thi hành án dân sự thị xã Ba Đồn ngày 06/10/2017).

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa; trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ của vụ án, ý kiến của kiểm sát viên, ý kiến của các bị cáo và những người tham gia tố tụng khác có mặt tại phiên tòa.

XÉT THẤY:

Tại phiên tòa hôm nay các vấn đề cần phải giải quyết trong vụ án đã được xét hỏi và tranh luận làm rõ. Các bị cáo Nguyễn Thị T, Hồ Thị Lài G và Nguyễn Thị H đã thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình đúng như nội dung của bản cáo trạng mà Viện kiểm sát nhân dân thị xã Ba Đồn đã truy tố. Lời khai nhận của các bị cáo tại phiên tòa hoàn toàn thống nhất và phù hợp với nhau, phù hợp với lời khai của đại diện gia đình bị hại, người làm chứng, phù hợp với bản kết luận giám định pháp y về tử thi đối với sản phụ Phạm Thị H, bản kết luận giám định pháp y trên hồ sơ đối với bệnh nhi Ngô Thanh L, các văn bản trả lời của cơ quan chuyên môn, vật chứng đã thu giữ được cùng các tài liệu, chứng cứ khác đã có tại hồ sơ vụ án. Như vậy, đã có đủ cơ sở để kết luận các bị cáo Nguyễn Thị T, Hồ Thị Lài G và Phạm Thị H phạm tội “Vi phạm quy định về khám bệnh, chữa bệnh” tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 2 Điều 242 của Bộ luật Hình sự.

Hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, trực tiếp xâm phạm đến tính mạng của công dân được pháp luật bảo vệ. Các bị cáo là những bác sỹ, nữ hộ sinh được đào tạo cơ bản và được cơ quan có thẩm quyền cấp giấy phép hành nghề chuyên môn theo quy định, có kinh nghiệm trong công tác về lĩnh vực khoa sản, có hiểu biết những quy định về chuyên môn của ngành y tế trong công tác khám bệnh, chữa bệnh, có hiểu biết về các quy định của pháp luật, lẽ ra trong quá trình thực thi nhiệm vụ các bị cáo phải chấp hành đúng quy định của pháp luật. Tuy nhiên, trong quá trình thực hiện công việc chuyên môn do theo dõi bệnh nhân không sát sao, chủ quan không lường trước được hậu quả có thể xảy ra đối với sản phụ Phạm Thị H nên dẫn đến có những hành vi vi phạm, làm trái một số quy định về khám bệnh, chữa bệnh mà Bộ Y tế đã ban hành, gây hậu quả rất nghiêm trọng làm chị Phạm Thị H và cháu Ngô Thanh L tử vong, gây nên nỗi đau thương mất mát vô cùng to lớn đối với gia đình người bị hại mà không gì bù đắp được.

Trong vụ án này bị cáo Nguyễn Thị T đóng vai trò chính, là trưởng kíp trực tại khoa sản ngày 24/9/2016, người trực tiếp phụ trách tiếp đón, thăm khám, điều trị và là phẫu thuật viên chịu trách nhiệm chính trong quá trình phẫu thuật cho sản phụ Phạm Thị H đã không tuân thủ các quy trình, quy định về chuyên môn, kỹ thuật trong quá trình thăm khám, điều trị, phẫu thuật, cấp cứu cho sản phụ Phạm Thị H. Cụ thể: Bị cáo đã chỉ định cho sản phụ H rặn đẻ trong khi thai chưa lọt là không đúng, việc chỉ định chuyển thuốc Oxytocin nhưng không thể hiện trong hồ sơ bệnh án và chỉ định tốc độ truyền Oxytocin tĩnh mạch với liều 5 đơn vị (1 ống) pha trong 500ml dung dịch Glucoza 5% khởi phát 10 giọt/phút là sai quy định, quá trình đỡ đẻ cho sản phụ H đã chỉ định cho nữ hộ sinh G tác động cơ học (đẩy bụng) nhằm cho thai lọt dễ là không đúng, việc trao đổi thông tin với bác sỹ gây mê về tình trạng của sản phụ H trước khi sử dụng phương pháp vô cảm không chính xác, trong quá trình phẫu thuật không báo cáo trung thực với bác sỹ trực lãnh đạo về việc sản phụ vỡ tử cung để hội chẩn và có phương pháp cấp cứu phù hợp dẫn đến vỡ tử cung, tắc mạch ối, mất máu làm cho sản phụ Phạm Thị H và cháu Ngô Thanh L tử vong. Hành vi của Nguyễn Thị T đã vi phạm nguyên tắc, quy trình trong bài “Theo dõi chuyển dạ đẻ thường”; “Đỡ đẻ thường ngôi chỏm”, quy định tại Phần 2, mục B của Quyết định số 4620/QĐ-BYT ngày 25/11/2009 của Bộ y tế về việc ban hành “Hướng dẫn quốc gia về các dịch vụ chăm sóc sức khỏe sinh sản”. Vi phạm “Quy chế Công tác chăm sóc người bệnh toàn diện”, quy định tại Mục 9, Phần IV; Quy chế hội chẩn, quy định tại Mục 7, phần IV; Quy chế công tác khoa phẫu thuật - Gây mê hồi sức, quy định tại điểm b, khoản 4, tiểu mục II, mục 12, phần V; Quy chế chẩn đoán bệnh, làm hồ sơ bệnh án và kê đơn điều trị, quy định tại Mục 3, phần IV, được quy định tại Quy chế Bệnh viện Ban hành theo Quyết định số 1895/1997/QĐ-BYT ngày 19/9/1997 của Bộ Y tế; vi phạm khoản 10, Điều 6 Luật Khám bệnh, chữa bệnh năm 2009 quy định về các hành vi bị cấm, cụ thể: “Không tuân thủ các quy định chuyên môn kỹ thuật trong khám bệnh, chữa bệnh”. Vì vậy, bị cáo phải chịu trách nhiệm chính trong vụ án.

Các bị cáo Hồ Thị Lài G và Phạm Thị H mặc dù không phải là những người phải chịu trách nhiệm chính gây ra hậu quả làm cho sản phụ Phạm Thị H và cháu Ngô

Thanh L tử vong, tuy nhiên, việc làm theo những y lệnh, chỉ định trái quy định về chuyên môn của bác sĩ T, trưởng kíp trực, cụ thể: Trong quá trình đỡ đẻ cho sản phụ H, bị cáo G đã thực hiện theo y lệnh của bác sĩ T về việc đẩy bụng là sai nhưng quá trình thực hiện y lệnh bị cáo không có ý kiến phản hồi lại, còn bị cáo H mặc dù bác sĩ không ra y lệnh dùng xe đẩy ngời khi chuyển sản phụ H sang khoa gây mê hồi sức nhưng bị cáo đã dùng xe đẩy ngời nên phần nào hạn chế việc hồi sức cho mẹ và thai nhi, việc hội chẩn để mổ lấy thai không lập biên bản mà chỉ hội chẩn qua điện thoại nhưng bị cáo đã trích lập biên bản hội chẩn sau mổ để bổ sung hồ sơ bệnh án là thiếu trung thực. Hai bị cáo G và H quá trình không theo dõi kỹ sản phụ, không lập biểu đồ theo dõi chuyển dạ, không tuân thủ đúng quy trình, quy định dẫn đến hậu quả sản phụ Phạm Thị H bị vỡ tử cung, là nguyên nhân làm cho chị H và cháu Ngô Thanh L tử vong. Hành vi của Hồ Thị Lài G, Phạm Thị H đã vi phạm nguyên tắc, quy trình “Theo dõi chuyển dạ đẻ thường” quy định tại Phần 2, mục B của Quyết định số 4620/QĐ-BYT ngày 25/11/2009 của Bộ y tế về việc ban hành “Hướng dẫn quốc gia về các dịch vụ chăm sóc sức khỏe sinh sản”; “Quy chế Công tác chăm sóc người bệnh toàn diện”, quy định tại Mục 9, Phần IV của Quy chế Bệnh viện Ban hành theo Quyết định số 1895/1997/QĐ-BYT ngày 19/9/1997 của Bộ Y tế, cụ thể ở điểm b, c, tiểu mục 1, mục II; nguyên tắc trong bài hướng dẫn “Đỡ đẻ thường ngời chớm” quy định tại phần 2, Mục B Quyết định số 4620/QĐ-BYT ngày 25/11/2009 của Bộ y tế về việc ban hành “Hướng dẫn quốc gia về các dịch vụ chăm sóc sức khỏe sinh sản”. Vì vậy, các bị cáo cũng phải chịu trách nhiệm hình sự về hành vi phạm tội của mình sau bị cáo T.

Với tính chất rất nghiêm trọng của hành vi phạm tội mà các bị cáo đã thực hiện, Hội đồng xét thấy cần áp dụng cho các bị cáo một mức hình phạt phù hợp, tương xứng với tính chất, mức độ, hậu quả hành vi phạm tội của các bị cáo, mới có tác dụng giáo dục, cải tạo các bị cáo đồng thời còn là bài học răn đe, phòng ngừa chung. Tuy nhiên, khi quyết định hình phạt, Hội đồng xét xử cũng cần xem xét cho các bị cáo về việc: Trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa hôm nay các bị cáo đều khai báo thành khẩn, có thái độ ăn năn, hối cải; đã bồi thường đầy đủ thiệt hại theo sự thỏa thuận của gia đình người bị hại, nhằm khắc phục toàn bộ thiệt hại cho gia đình bị hại; tại phiên tòa hôm nay người đại diện hợp pháp của người bị hại và đại diện Bệnh viện Đa khoa khu vực Bắc Quảng Bình tha thiết đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo, từ trước đến nay các bị cáo có quá trình nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự; lần đầu phạm tội, có nhiều tình tiết giảm nhẹ và có nơi cư trú rõ ràng, có khả năng tự cải tạo tốt. Gia đình các bị cáo T, G và H có bố mẹ là người có công với cách mạng được Nhà nước tặng thưởng huân, huy chương kháng chiến chống mỹ cứu nước, đây là những tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại các điểm b, p khoản 1 Điều 46; khoản 2 Điều 46 của Bộ luật Hình sự cần xem xét để giảm nhẹ một phần hình phạt cho các bị cáo theo mức độ và điều kiện mà mỗi bị cáo được hưởng. Xét thấy, chưa cần thiết phải áp dụng hình phạt tù để cách ly các bị cáo T, G và H ra ngoài xã hội mà cần áp dụng Điều 60 Bộ luật Hình sự để cho các bị cáo được học tập cải tạo tại địa phương là cũng đủ nghiêm và phù hợp với chính sách nhân đạo của pháp luật nhà nước ta.

Về trách nhiệm dân sự: Quá trình điều tra giữa các bị cáo Nguyễn Thị T, Hồ Thị Lài G, Phạm Thị H cùng với các thành viên trong ekip trực và đại diện Bệnh viện ĐKKV Bắc Quảng Bình đã tự thỏa thuận giải quyết bồi thường dân sự với đại diện gia đình bị hại số tiền 350.000.000 đồng (Ba trăm năm mươi triệu đồng). Tại phiên tòa hôm nay đại diện hợp pháp của người bị hại không có yêu cầu gì thêm nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Về vật chứng của vụ án: Xét thấy việc trả lại cho Bệnh viện ĐKKV Bắc Quảng Bình 01 (Một) thùng hộp giấy bìa màu vàng, kích thước 20 x 25 x 40 (cm), đã được niêm phong, bên trong đựng 16 (mười sáu) chai, lọ, ống, túi đựng các loại thuốc chưa qua sử dụng của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thị xã Ba Đồn là hoàn toàn phù hợp, không có ai yêu cầu gì thêm nên không xem xét. Riêng 01 (Một) thùng hộp giấy bìa màu vàng, kích thước 25 x 30 x 40 (cm), đã được niêm phong, bên trong đựng 24 (hai mươi bốn) chai, lọ, ống, túi đựng các loại thuốc đã sử dụng hết, hiện không có giá trị sử dụng, vì vậy cần tịch thu tiêu hủy là hoàn toàn phù hợp. (Những vật chứng trên có đặc điểm như biên bản giao nhận vật chứng giữa Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thị xã Ba Đồn và Chi cục thi hành án dân sự thị xã Ba Đồn ngày 06/10/2017)

Liên quan trong vụ án này có Lê Ngọc B - Phó Giám đốc Bệnh viện đa khoa khu vực Bắc Quảng Bình, trực lãnh đạo và Trần Đăng K bác sĩ phụ trách gây mê. Quá trình điều tra xác định: Nguyễn Thị T điện thoại thông báo và xin ý kiến Lê Ngọc B để phẫu thuật lấy thai và được Lê Ngọc B đồng ý qua điện thoại, phương án như trên chưa phản ánh đúng bản chất của Quy chế hội chẩn quy định tại Mục 7, phần IV do Bộ Y tế ban hành. Trần Đăng K đánh giá bệnh nhân qua việc trao đổi thông tin của ekip trực sản, để lựa chọn phương pháp vô cảm gây tê tủy sống phục vụ việc phẫu thuật lấy thai trong khi không tiến hành thăm khám là chưa phù hợp. Trên thực tế Lê Ngọc B, Trần Đăng K, Nguyễn Thị T không trực tiếp hội chẩn nên không nắm được tình trạng bệnh của sản phụ H để có hướng điều trị phù hợp, hiệu quả nhất. Tuy nhiên, Hội đồng chuyên môn Sở y tế kết luận việc không tiến hành hội chẩn của Lê Ngọc B, Nguyễn Thị T và Trần Đăng K cũng như việc không tiến hành thăm khám sản phụ Phạm Thị H của Trần Đăng K không phải là nguyên nhân dẫn đến tử vong của sản phụ Phạm Thị H và bệnh nhi Ngô Thanh L mà là một trong những yếu tố góp phần làm nặng thêm tình trạng của thai phụ nên tình huống này có thể chấp nhận phương án hội chẩn theo quy định tại Mục g, Điểm 3, phần II Quy chế hội chẩn và Điểm đ, Mục 2, Điều 56 Luật khám chữa bệnh. Do đó, hành vi của Lê Ngọc B và Trần Đăng K không cấu thành tội phạm được quy định trong Bộ luật Hình sự nên không truy cứu trách nhiệm hình sự đối với Lê Ngọc B và Trần Đăng K mà chỉ tiến hành nhắc nhở, rút kinh nghiệm chung là phù hợp.

Ngoài ra trong ekip tham gia đỡ đẻ, phẫu thuật cho sản phụ Phạm Thị H còn có chị Lê Thị H là học việc tại khoa sản, kỹ thuật viên Nguyễn Thị Bích T, điều dưỡng Nguyễn Thị Mỹ L, quá trình điều tra xác định không có hành vi vi phạm gì nên cũng chỉ tiến hành nhắc nhở, rút kinh nghiệm chung là đúng quy định của pháp luật.

Về án phí: Các bị cáo Nguyễn Thị T, Hồ Thị Lài G và Phạm Thị H phải nộp mỗi bị cáo 200.000 đồng tiền án phí hình sự sơ thẩm để sung vào công quỹ Nhà nước.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

I. Về tội danh và hình phạt:

Tuyên bố các bị cáo Nguyễn Thị T, Hồ Thị Lài G và Phạm Thị H phạm tội “Vi phạm quy định về khám bệnh, chữa bệnh”.

Áp dụng khoản 2 Điều 242; các điểm b, p khoản 1 Điều 46; khoản 2 Điều 46; khoản 1 và khoản 2 Điều 60 của Bộ luật hình sự: phạt bị cáo Nguyễn Thị T 36 (Ba mươi sáu) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 60 (Sáu mươi) tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Áp dụng khoản 2 Điều 242; các Điểm b, p khoản 1 Điều 46; khoản 2 Điều 46; Điều 47; khoản 1 và khoản 2 Điều 60 của Bộ luật Hình sự: phạt bị cáo Hồ Thị Lài G 12 (Mười hai) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 24 (Hai mươi bốn) tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Áp dụng khoản 2 Điều 242; các điểm b, p khoản 1 Điều 46; khoản 2 Điều 46; Điều 47; khoản 1 và khoản 2 Điều 60 của Bộ luật Hình sự: phạt bị cáo Phạm Thị H 12 (Mười hai) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 24 (Hai mươi bốn) tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo Nguyễn Thị T và Phạm Thị H cho Ủy ban nhân dân phường T, thị xã B, tỉnh Quảng Bình phối hợp với gia đình giám sát, giáo dục các bị cáo trong thời gian thử thách của án treo.

Giao bị cáo Hồ Thị Lài G cho Ủy ban nhân dân phường T, thị xã B, tỉnh Quảng Bình phối hợp với gia đình giám sát, giáo dục bị cáo trong thời gian thử thách của án treo.

Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi chỗ ở thì áp dụng theo khoản 1 Điều 69 Luật thi hành án hình sự.

II. Về trách nhiệm dân sự: Đã giải quyết xong

III. Về xử lý vật chứng: Áp dụng điểm đ khoản 2 Điều 76 của Bộ luật Tố tụng Hình sự tuyên tịch thu tiêu hủy 01 (Một) thùng hộp giấy bì màu vàng, kích thước 25 x 30 x 40 (cm), đã được niêm phong, bên trong đựng 24 (hai mươi bốn) chai, lọ, ống, túi đựng các loại thuốc đã sử dụng hết (Vật chứng trên có đặc điểm như biên bản giao nhận vật chứng giữa Cơ quan điều tra và Chi cục thi hành án dân sự thị xã Ba Đồn ngày 06/10/2017)

IV. Về án phí: Áp dụng Điều 99 Bộ luật Tố tụng Hình sự và điểm a khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án buộc các bị cáo Nguyễn Thị T, Hồ Thị Lài G và Phạm Thị H phải nộp mỗi bị cáo 200.000 đồng tiền án phí hình sự sơ thẩm để sung vào công quỹ Nhà nước.

Án xử sơ thẩm báo cho các bị cáo; người đại diện hợp pháp của người bị hại được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (28/12/2017)

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Q.Bình
- CA TX Ba Đồn;
- VKSND TX Ba Đồn;
- Chi cục THDS TX Ba Đồn;
- Sở tư pháp tỉnh Q.Bình;
- Các bị cáo;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Tưởng Thị Hà